TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ THƯ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HSST
Ngày 25/6/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:*** Ông Hà Toàn Thắng.

- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Phạm Đức Hiển, Ông Nguyễn Thanh Nghĩa.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Liên - Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 26/2021/TLST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXXST-HS ngày 14/6/2021đối với bị cáo:

Phạm Văn N, tên gọi khác: không, giới tính: Nam; Sinh ngày 18 tháng 01 năm 1993, tại huyện V, tỉnh T; Nơi cư trú: thôn L, xã M, huyện V, tỉnh T; Quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: không; Nghề nghiệp: lao động tự do, trình độ học vấn: 9/12; Họ tên bố: Phạm Văn Nh, sinh năm 1968; họ tên mẹ: Ngô Thị T, sinh năm 1973, trú cùng địa chỉ; Bị cáo chưa có vợ, con. Có 01 tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 83/2015/HSST ngày 09/12/2015 của Toà án nhân dân huyện V, xử phạt Phạm Văn N 09 tháng tù, về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999. Phạm Văn N chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/6/2016, chấp hành xong án phí ngày 22/01/2016; đến ngày thực hiện hành vi phạm tội (22/12/2020), còn thời hiệu yêu cầu thi hành án, N chưa bồi thường trách nhiệm dân sự cho người bị hại, người có quyền lợi liên quan. Tiền sự: không. Nhân thân: từ tháng 02 năm 2011 đến tháng 8 năm 2012 đi nghĩa vụ quân sự, tại Trung đoàn 43, Sư đoàn 395, Quân khu 3. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 12/QĐ-XPHC ngày 23/3/2021 của Công an huyện V phạt tiền Phạm Văn N về hành vi xâm hại sức khỏe người khác. Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

* Bị hại: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1981 (Có mặt).
Nơi cư trú: thôn L, xã M, huyện V, tỉnh T.

* Người làm chứng:
- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990 (Vắng mặt).
Nơi cư trú: Thôn D, xã T, Thành phố T, tỉnh T.

- Cháu Phạm Thị Hải Y, sinh năm 2013. Người giám hộ: Bà Ngô Thị T sinh năm 1973 (Đều vắng mặt).

Đều cư trú: thôn L, xã M, huyện V, tỉnh T.

- Anh Lê Xuân T, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện V, tỉnh T.

- Anh Vũ Tiến T, sinh năm 1997 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: thôn L, xã M, huyện V, tỉnh T.

- Anh Vũ Xuân T, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: thôn L, xã M, huyện V, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 22/12/2020, Phạm Văn N thấy nhà chị Phạm Thị H, sinh năm 1981 ở cùng thôn L, xã M, huyện V, tỉnh T (bên cạnh nhà N) không có ai ở nhà, các cửa nhà đã đóng và khóa. N nhìn lên mái nhà chị H thấy có thể chui qua lỗ thoáng ở trên mái tum vào trong nhà chị H để trộm cắp tài sản. N đi qua bờ ao, vườn nhà ông Phạm Văn S đến bức tường bao nhà bà Phạm Thị L ở sát nhà chị H, rồi trèo lên tường, bám theo lưới B40 để trèo lên mái bếp nhà chị H; sau đó N đi trên bức tường của nhà bếp ra mái nhà chính ở phía trước rồi chui vào lỗ thoáng ở trên mái tum, bám theo mép tường để tụt xuống vào trong nhà chị H.

N đi theo cầu thang xuống tầng 1, vào phòng khách, thấy trên mặt ghế gỗ dài có để 01 chiếc laptop (máy tính xách tay), nhãn hiệu Lenovo S145, vỏ ngoài màu đen, trị giá 3.000.000 đồng. N đến lấy chiếc laptop rồi đi ra gian bếp, thả chiếc laptop qua cửa sổ xuống vườn nhà ông S. Sau đó, N đi lên cầu thang mở cửa mái tum rồi theo lỗi cũ đến nhặt chiếc laptop cầm về nhà cất giấu. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, N gọi điện cho anh Vũ Xuân T, sinh năm 1992 ở cùng thôn, nhờ anh Vũ Xuân T chở đến quán cầm đồ của anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 ở thôn D, xã T, thành phố T. Khi đi, N bỏ chiếc laptop vào trong chiếc túi nilon màu đỏ, để trước ngực, mặc áo khoác che bên ngoài để tránh bị phát hiện. Khi đến quán cầm đồ của anh Nguyễn Văn T, anh Vũ Xuân T đứng bên ngoài, N vào trong cầm cố chiếc laptop với giá 2.000.000 đồng. Do anh Nguyễn Văn T không có tiền mặt nên N đi đến chỗ anh Vũ Xuân T đứng, hỏi mượn tài khoản ngân hàng của anh Vũ Xuân T để anh Nguyễn Văn T chuyển tiền vào tài khoản. Trên đường về, anh Vũ Xuân T hỏi N: *"Cầm cố cái gì thế"*. N trả lời: *"Cầm cái laptop của tôi"*. Sau đó, N bảo anh Vũ Xuân T dừng trước cửa cây ATM ở thôn M, xã M, huyện V. Anh Vũ Xuân T đưa thẻ ATM và đọc mật khẩu thẻ cho N.

N vào trong cây ATM rút số tiền 2.000.000 đồng. Số tiền này, N dùng chi tiêu cá nhân hết, anh Vũ Xuân T không được hưởng lợi gì.

Sau khi phát hiện bị mất laptop, chị H nhờ người thân tìm giúp. Ngày 18/01/2021, N nói cho anh Lê Xuân T, sinh năm 1992 ở thôn T, xã M, huyện V biết việc có chiếc laptop đang cầm cố, nếu anh Lê Xuân T muốn mua thì N đi chuộc về bán lại cho anh Lê Xuân T.

Anh Lê Xuân T đưa cho N 3.600.000 đồng để N chuộc lại chiếc laptop. Sau khi chuộc lại chiếc laptop, N mang đến nhà anh Lê Xuân T. Tại đây, anh Lê Xuân T và anh Vũ Tiến T, sinh năm 1997 ở thôn L, xã M, huyện V nhận diện được chính là chiếc laptop của chị H nên ngày 20/01/2021 đã giao nộp cho Công an xã M.

- Kết luận định giá tài sản số 09/KLHĐ ngày 27/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V đã kết luận: *" 01 (Một) chiếc Laptop nhãn hiệu Lenovo S145 màu đen đã qua sử dụng trị giá 3.000.000đ (Ba triệu đồng)".*

- Cáo trạng số 27/CT-VKSVT, ngày 12/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh T truy tố đối với bị cáo Phạm Văn N về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên.Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện V vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Phạm Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản" .

- Áp dụng: khoản 1 Điều 173 ; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 ; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự: Xử phạt Phạm Văn N từ 09 tháng đến 01 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung vì bị cáo không có việc làm, không có thu nhập.

- Về vật chứng, và trách nhiệm dân sự: 01 chiếc laptop nhãn hiệu Lenovo S145 màu đen, cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Phạm Thị H. Chị H không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm gì khác. Việc anh Lê Xuân T đưa cho bị cáo 3.600.000 đồng để đi chuộc lại chiếc laptop, bị cáo đã trả lại số tiền này cho anh Lê Xuân T. Vì vậy không đặt ra giải quyết.

- Về án phí : Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, bị hại và lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án;

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V. Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ

quan tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo: Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố có trong hồ sơ vụ án; phù hợp với :

- Đơn trình báo và lời khai của người bị hại là chị Phạm Thị H *(Bút lục số: 01; 119 đến 126);*

- Biên bản quản lý đồ vật do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V lập ngày 20/01/2021: quản lý của anh Lê Xuân T 01 chiếc laptop nhãn hiệu Lenovo S145, vỏ ngoài màu đen *(Bút lục số 04);*

- Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường và biên bản về việc cho Phạm Văn N mô tả, thực hiện cách đi, lối vào trong nhà chị H để trộm cắp tài sản (*Bút lục số: 45 đến 48);*

- Biên bản làm việc về việc xác định vị trí cây ATM ở thôn M, xã M, huyện V do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V lập hồi 15 giờ ngày 05/3/2021 *(Bút lục số: 54);*

- Công văn trả lời số 18/2021/CV-MSBTHB ngày 17/3/2021 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam (Maritime Bank), về việc cung cấp thông tin cá nhân của chủ tài khoản số 15001010832863, kèm theo là sao kê giao dịch của tài khoản vào ngày 22/12/2020 *(Bút lục số: 56 đến 59);*

- Kết luận định giá tài sản số 09/KLHĐ ngày 27/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V *(Bút lục số: 16, 17);*

- Biên bản ghi lời khai của những người làm chứng là anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990, trú tại thôn D, xã T, thành phố T; cháu Phạm Thị Hải Y, sinh năm 2013, trú tại thôn L, xã M, huyện V *(Bút lục số: 135 đến 138; 143, 144);* anh Lê Xuân T, sinh năm 1992, trú tại thôn T, xã M, huyện V ; anh Vũ Tiến T, sinh năm 1997, trú tại thôn L, xã M, huyện V *(Bút lục số: 127 đến 134);* cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 08 giờ ngày 22/12/2020, lợi dụng lúc nhà chị Phạm Thị H, sinh năm 1981 ở thôn L, xã M, huyện V không có ai ở nhà, Phạm Văn N đã lén lút đột nhập vào trong nhà chị H trộm cắp 01 chiếc laptop (máy tính xách tay), nhãn hiệu Lenovo S145, màu đen, trị giá 3.000.000 đồng.

[3] Về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội và vai trò của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Văn N là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội. Vì vậy phải cần phải xử lý nghiêm khắc thì mới có tác dụng giáo dục riêng cho bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, thành

khẩn khai báo, đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, người bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng "tái phạm", quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Phạm Văn N đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, theo như quan điểm của Kiểm sát viên đại diện cho VKS tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy cần buộc bị cáo Phạm Văn N phải cách ly xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục và cải tạo thành người có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung vì bị cáo không có việc làm, không có thu nhập.

[7] Về vật chứng, và trách nhiệm dân sự: 01 chiếc laptop nhãn hiệu Lenovo S145 màu đen, cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Phạm Thị H. Chị H không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm gì khác. Việc anh Lê Xuân T đưa cho bị cáo 3.600.000 đồng để đi chuộc lại chiếc laptop, bị cáo đã trả lại số tiền này cho anh Lê Xuân T. Vì vậy không đặt ra giải quyết.

[8] Trong vụ án này: anh Vũ Xuân T, sinh năm 1992, trú tại thôn L, xã M, huyện V được N nhờ chở đến quán cầm đồ; anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989, trú tại thôn D, xã T, thành phố T nhận cầm cố chiếc laptop nhưng anh Vũ Xuân T, anh Nguyễn Văn T không biết bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên không có căn cứ để xử lý.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn N phạm tội Trộm cắp tài sản"

2. Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173 ; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 ; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự: Xử phạt Phạm Văn N 01(Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung vì bị cáo không có việc làm, không có thu nhập.

3. Về vật chứng, và trách nhiệm dân sự: 01 chiếc laptop nhãn hiệu Lenovo S145 màu đen, cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Phạm Thị H. Chị H không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm gì khác. Việc anh Lê Xuân T đưa cho bị cáo 3.600.000 đồng để đi chuộc lại chiếc laptop, bị cáo đã trả lại số tiền này cho anh Lê Xuân T. Vì vậy không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Bị cáo Phạm Văn N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh T;
- VKSND huyện V;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh T;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện V;
- Tòa án tỉnh T;
- Sở Tư pháp tỉnh T;
-UBND xã M, huyện V;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM HĐXX SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Hà Toàn Thắng